

TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN HỒNG**THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2025-2026**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	16/16	1,5 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	13/13	1,48 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	3/3	1,53 m ² /học sinh
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ		
IV	Tổng diện tích đất (m²)	9109,5	17,8m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5000	9,8 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	768	1,5 m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	48	1,5 m ² /học sinh
3	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m²)</i>	0	
4	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m²)</i>	48	1,5 m ² /học sinh
5	<i>Diện tích phòng ngoại ngữ (m²)</i>	0	
6	<i>Diện tích phòng học tin học (m²)</i>	48	1,5 m ² /học sinh
7	<i>Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m²)</i>	24	
8	<i>Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m²)</i>	0	
9	<i>Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m²)</i>	48	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	16	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	16	16/16
1.1	Khôi lớp 1	4	4/4

1.2	Khối lớp 2	3	3/3
1.3	Khối lớp 3	3	3/3
1.4	Khối lớp 4	3	3/3
1.5	Khối lớp 5	3	3/3
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 1	0	0
2.2	Khối lớp 2	0	0
2.3	Khối lớp 3	0	0
2.4	Khối lớp 4	0	0
2.5	Khối lớp 5	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	9	3 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	19	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Bộ loa âm thanh	4	
6	Đàn	15	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		2		0,03
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số [41/2010/TT-BGDĐT](#) ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số [27/2011/TT-BYT](#) ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Ý Yên, ngày 12 tháng 9 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Khánh